TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST Ngày 06 – 5 – 2025 V/v yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Bà Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt

2. Bị đơn: Anh Phan Bá H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (Anh H có đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2025, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn chị Đinh Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2014, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế, chăm

sóc các con. Nhưng khoảng mấy năm gần đây giữa chúng tôi phát sinh nhiều mẫu thuẫn, xảy ra cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đã nhiều lần tự hoà giải nhưng không thành, đã không chung sống từ khoảng tháng 4 năm 2024 và tôi đã chuyển về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Đến nay mẫu thuẫn giữa chúng tôi đã trầm trọng, không thể hoà giải để đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Bá H.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Bá Đức C, sinh ngày 24/12/2013 và Phan Bá Chí Q, sinh ngày 24/8/2015. Tôi yêu cầu được giao hai con cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi do các con đều có nguyện vọng, mong muốn được ở với anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh H tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Bá H, quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2014. Tôi và chị P trong quá trình chung sống cũng có mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra cãi vã, không thể chung sống, thực tế chúng tôi đã không còn chung sống khoảng một năm nay, tôi đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Tôi và chị P có 02 người con chung là Phan Bá Đức C, sinh ngày 24/12/2013 và Phan Bá Chí Q, sinh ngày 24/8/2015. Tôi yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Phan Bá H có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc gia đình nên không thể tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đinh Thị P được ly hôn với anh Phan Bá H.

Về con chung: Giao các con chung là Phan Bá Đức C, sinh ngày 24/12/2013 và Phan Bá Chí Q, sinh ngày 24/8/2015 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị P, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị P và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2014, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Chị P, anh H đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Do đó, có căn cứ xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị P và anh H xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế chị P và anh H đã không còn chung sống từ khoảng tháng 4 năm 2024 cho đến nay, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị P nên cần chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Phan Bá Đức C, sinh ngày 24/12/2013 và Phan Bá Chí Q, sinh ngày 24/8/2015, thấy rằng, các con đều có mong muốn được ở với anh H, từ khi chị P và anh H không còn chung sống, anh H là người trực tiếp nuôi con, chị P cũng đồng ý giao các con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận để giao các con chung cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi các con chung nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh H đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P được ly hôn với anh Phan Bá H

2. Về con chung: Giao các con chung là Phan Bá Đức C, sinh ngày 24/12/2013 và Phan Bá Chí Q, sinh ngày 24/8/2015 cho anh Phan Bá H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Phan Bá H không yêu cầu chị Đinh Thị P phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị P và anh Phan Bá H đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu thu tạm ứng án phí số AA/2023/0012377 ngày 08/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kề tư ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân